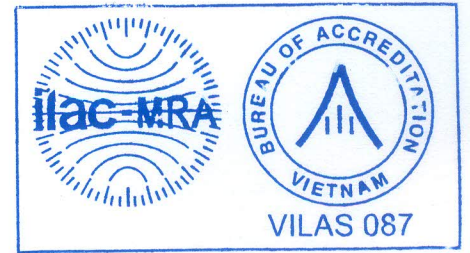




BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM THUỐC TRUNG ƯƠNG

48 Hai Bà Trưng - Hoàn Kiếm - Hà Nội - Việt Nam
ĐT: +84.24.38252791 - Fax: +84.24.38256911

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHỨNG CHỈ PHÂN TÍCH
Certificate of Analysis

CHUẨN ĐỐI CHIẾU THỨ CẤP
Secondary Reference Substance

SULFAMETHOXAZOL



SKS: C0421110

I. Mục đích sử dụng: Chuẩn đối chiếu thứ cấp Sulfamethoxazol SKS: C0421110 được sử dụng cho các phép thử định tính và định lượng bằng phương pháp phân tích hóa lý.

Intended use: The Secondary Reference Substance Sulfamethoxazole Control No. C0421110 is intended to be used in physicochemical analysis for assay and identification.

II. Mô tả: Bột kết tinh màu trắng.

Description: A white, crystalline powder.

III. Kết quả phân tích: Sử dụng chuẩn Sulfamethoxazol USPRS lô IIF148 có hàm lượng 99,8 % $C_{10}H_{11}N_3O_3S$, tính theo chất đã làm khô.

Analytical data: The Sulfamethoxazole USPRS lot. IIF148 was used as Standard and regarded as 99.8 % $C_{10}H_{11}N_3O_3S$, calculated on the dried basis.

1. Định tính (*Identifications*)

a. Phổ hồng ngoại

Infrared absorption

Phù hợp với phổ hồng ngoại của Sulfamethoxazol chuẩn

Concordant with infrared absorption spectrum of Sulfamethoxazole RS.

b. Điểm chảy

Melting point

: 170,2 °C

2. Độ trong và màu sắc dung dịch

Appearance of solution

: Đạt

Passed

3. Tính acid

Acidity

: Đạt

Passed

4. Mất khối lượng do làm khô

Loss on drying

: 0,02 %

5. Tro sulfat

Sulfated ash

: 0,05 %

6. Tạp chất liên quan (HPLC)

Related substances

: Đạt

Passed

7. Định lượng (HPLC)
Assay

: 100,1 % $C_{10}H_{11}N_3O_3S$, tính theo nguyên trạng.
Độ không đảm bảo đo mở rộng $U = \pm 0,4 \%$ với hệ số phủ $k = 2$ ở độ tin cậy 99 %.

100.1 % $C_{10}H_{11}N_3O_3S$, calculated on the "as is" basis. Expanded uncertainty of the certified value $U = \pm 0.4 \%$ using a coverage factor $k = 2$ at level of confidence approximately 99 %.

IV. Hướng dẫn sử dụng: Không sấy trước khi dùng
Direction for use: Do not dry before use

V. Bảo quản: Nhiệt độ từ 2 – 8 °C, tránh ánh sáng.

Storage: Keep container protected from light, preferably at the temperature from 2 - 8 °C.

Date of adoption
30th August 2021

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2021

VIỆN TRƯỞNG

Director



Đoàn Cao Sơn

Kiểm tra định kỳ (Re-test year)		
Đã kiểm tra (năm) <i>Last re-test</i>	Kiểm tra lần sau (năm) <i>Next re-test</i>	Phụ trách khoa (ký) <i>Signature</i>
	2024	

Các thông tin về chất chuẩn có thể tra cứu theo địa chỉ: <http://www.nidqc.org.vn>
Visit the following link to see the updated information of reference substances:
<http://www.nidqc.org.vn>